

Bản án số: **150/2021/HS - ST**
Ngày: 14/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Thương.**

Ông Quàng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thùy Dương** - Kiểm sát Viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **133/2021/TLST-HS** ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **131/2021/QĐXXST-HS** ngày 16 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: **18/2021/HSST-QĐ** ngày 29/4/2021; Công văn tạm dừng phiên tòa HSST số: **01/CV-TA** ngày 17/5/2021; Thông báo về Việc tiếp tục phiên tòa số: **01/TB-TA** ngày 03/6/2021 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Y, xã S M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông. Bố đẻ: Lò Văn Tươi (đã chết); Mẹ đẻ: Lò Thị Dương; sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, cO; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/8/2016 Bị cáo bị TAND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 27/01/2018 chấp hành xOg án phạt tù trở về địa phương sinh sống, Bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 03/02/2021 cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại gồm:*

+ Chị Lò Thị O; Sinh năm: 1984; Trú tại: Bản Y, xã S M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

+ Anh Tòng Văn N; sinh năm 1984; Trú tại: Bản Y, xã S M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tòng Văn N là chị Lò Thị O; Sinh năm: 1984; Trú tại: Bản Y, xã S M, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn T; sinh năm 1996; Trú tại: Thôn 24, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

** Người có nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị V; sinh năm 1968; Trú tại: Thôn 24, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trOg hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành V phạm tội của bị cáo Lò Văn T:

Khoảng 09 giờ ngày 20/01/2021, Lò Văn T, trú tại Bản Y, xã S M, huyện Đ B đang ở nhà một mình, ngồi quan sát sang nhà chị Lò Thị O, sinh năm 1984, trú tại Bản Y, xã S M, huyện Đ B (là hàng xóm của Bị cáo), không thấy ai ở nhà nên Bị cáo nảy sinh ý định vào nhà chị O để trộm cắp tài sản có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Sau đó, Bị cáo trèo qua tường rào ngăn giữa hai nhà, đi lên cầu thang nhà chị O và đi ra cửa chính thấy đóng cửa nên Bị cáo dùng tay mở cửa, lúc đó cửa nhà không khóa, Bị cáo bước vào trOg nhà quan sát rồi đi vào chỗ giường ngủ của chị O. Bị cáo lục lọi và lật đệm trên đầu giường lên thì thấy 01 dây chuyền vàng dạng mắt xích, Bị cáo nghĩ là vàng nên cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra ngoài đóng cửa lại như ban đầu. Sau đó Bị cáo đi bộ ra đến khu vực chợ Bản P, xã N H, huyện Đ B để bán dây chuyền vàng vừa trộm cắp được, Bị cáo đi vào cửa hàng vàng bạc Anh T thì gặp chị Đào Thị V, sinh năm 1968, trú tại Thôn 24, xã N H, huyện Đ B, Bị cáo hỏi “Cô có mua vàng không?”, chị V nói “Đưa đây xem nào?” Bị cáo đưa sợi dây chuyền vừa trộm cắp được ở trOg túi quần bên phải ra và đưa cho chị V xem, chị V hỏi “Dây chuyền vàng này là của ai?”, Bị cáo trả lời “Dây chuyền vàng của vợ”, chị V hỏi “Có giấy tờ gì không”, Bị cáo trả lời “Lâu rồi nên bị mất”. Sau đó anh Phạm Văn T, sinh năm 1996, trú tại: Thôn 24, xã N H, huyện Đ B (là cO trai chị V) đi từ trOg cửa hàng ra thì chị V đưa dây chuyền cho anh Phạm Văn T xem, rồi T cầm đi vào trOg nhà kiểm tra, còn Bị cáo đứng ở ngoài chờ. Một lúc sau T ra và cầm theo một chiếc máy tính cầm tay bấm và nói được 15.200.000 đồng, Bị cáo đồng ý bán và nhận

số tiền trên rồi đi bộ đến khu vực **bản N H, xã PL, huyện Đ B** để tìm mua Heroine sử dụng. Lúc này Bị cáo gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ đứng ở ngoài đường, Bị cáo hỏi mua Heroine của người đàn ông đó 100.000 đồng rồi đi đến một ngôi nhà hoang tại bản Na Hai, xã Pom Lót và sử dụng hết. Sau khi mua dây chuyền vàng trên của Bị cáo đến ngày 27/01/2021 anh Phạm Văn T mang chiếc dây chuyền vàng đó đến cửa hàng Vàng - Bạc Hải Lan tại chợ Trung tâm 1, phường Tân Thanh, TP. Điện Biên Phủ và bán được 20.000.000 đồng, khi có tiền anh T dùng vào Việc nhập hàng điện thoại để bán tại cửa hàng Vàng - Bạc Anh T. Còn Bị cáo sau khi trộm cắp tài sản nhà chị Lò Thị O, nhằm tránh sự phát hiện của chị O và cơ quan chức năng nên Bị cáo lần trốn tại khu vực bản Na Hai, xã Pom Lót, trOg thời gian trốn tránh Bị cáo đã sử dụng số tiền trên để mua Heroine và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 03/2/2021, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Điện Biên làm Việc đối với Bị cáo và Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành V trên của mình.

Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL- ĐGTS ngày 03/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trOg tổ tụng hình sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên kết luận: 01 (Một) chiếc dây chuyền vàng 04 (Bốn) chỉ, chất lượng 99,99% có giá tổng cộng là 22.680.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

TrOg quá trình điều tra Bị cáo, Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSĐB ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T: Từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra chị O yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 22.680.000 đồng và Bị cáo Lò Văn T cũng đã đồng ý bồi thường số tiền trên cho Bị hại chị Lò Thị O số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Vật chứng không thu hồi được nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành V trộm cắp tài sản của người khác là V phạm pháp luật. Bị cáo đã rất hối hận. Lời nói nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trOg hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành V phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành V phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như phù hợp với các tài liệu có trOg hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ ngày 20/01/2021, tại nhà của Lò Thị O ở Bản Y, xã S M, huyện DB, tỉnh Điện Biên, Lò Văn T đã có hành V lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị O một sợi dây chuyền vàng 04 chỉ có giá trị là 22.680.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Hành V của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo hộ, hành V của Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” .

Vện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2]. Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trOg Vệc quản lý tài sản đã có hành V lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 22.680.000 đồng. Hành V của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trOg dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành V phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3]. Về tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành V phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Lò Văn T sinh ra và lớn lên tại Điện Biên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2012 Bị cáo sử dụng ma túy. Ngày 11/8/2016 bị TAND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đến ngày 27/01/2018 Bị cáo chấp hành xOg án phạt tù trở về địa phương sinh sống, Bị cáo đã được xóa án tích nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

Vệc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát Vên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình T phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, sOg xét Bị cáo không có Vệc làm ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng: Sau khi mua sợi dây chuyền vàng của bị cáo Lò Văn T, anh T đã bán lại cho bà Đặng Thị Lan, chủ cửa hàng vàng bạc Hải Lan, chợ Trung tâm 1, tổ 3, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Tuy nhiên bà Lan không thừa nhận Vệc giao dịch mua bán sợi dây chuyền vàng với anh T. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh làm rõ nhưng không thu hồi được tài sản nên HĐXX không xem

xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lò Thị O vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra chị O yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 22.680.000 đồng và Bị cáo Lò Văn T cũng đã đồng ý bồi thường số tiền trên cho Bị hại. HĐXX thấy rằng Việc Bị hại yêu cầu bồi thường và Bị cáo đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên tại Cơ quan điều tra. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T xin xét xử vắng mặt về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của chị O, anh T là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Anh Phạm Văn T đã mua lại của Bị cáo sợi dây chuyền vàng mà T đã chiếm đoạt của chị Lò Thị O với số tiền là 15.200.000 đồng, sau đó anh T đã bán đi và không thu hồi được. Do anh T không biết đó là tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý đối với anh T.

Đối với bà Đào Thị V là người đầu tiên tiếp xúc với Bị cáo khi Bị cáo vào hỏi bán sợi dây chuyền vàng, do Bị cáo nói là dây chuyền của vợ nên tin tưởng đã gọi cO trai là anh Phạm Văn T để kiểm tra, trao đổi và mua bán với Bị cáo. Do bà V không biết đó là tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp. Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý đối với bà V.

[5]. Về hành V, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[5.1]. Về tính hợp pháp của hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra Viên, Kiểm sát Viên trOg quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành V, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[5.2]. Về sự vắng mặt của bị hại là chị Lò Thị O, anh Tòng Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T; Người có nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V. Xét thấy chị O, anh N đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và anh T, bà V đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. TrOg quá trình điều tra chị O, anh N, anh T, bà V đã có đầy đủ lời khai trOg hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng

hình sự, xét xử vắng mặt chị O, anh N, anh T và bà V theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí:

Tại cơ quan điều tra Bị hại là chị Lò Thị O yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 22.680.000 đồng, Bị cáo đồng ý bồi thường và không có ý kiến gì. Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38, Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 01(một) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/02/2021).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lò Thị O số tiền 22.680.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trOg thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người CQLNVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan